

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/DS-PT

Ngày: 01-6-2023

Về việc tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đường

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Tuấn

Bà Lê Thị Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Hồng Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2021/DS-ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện LC, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXX-PT ngày 25 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2023/QĐ-PT ngày 16/5/2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim M – Sinh năm: 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố HY 2, thị trấn ĐC, huyện LC, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

* *Bị đơn:*

1) Bà Nguyễn Thị Cẩm N – Sinh năm: 1988; địa chỉ: Tổ dân phố HY 2, thị trấn ĐC, huyện LC, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2) Ông Nguyễn Ngọc Hoàng A – Sinh năm: 1989; địa chỉ: Tổ dân phố HY 2, thị trấn ĐC, huyện LC, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim M trình bày:*

Trước đây bà N nhiều lần vay tiền của bà M, khi số tiền vay quá lớn thì bà M có yêu cầu bà N viết giấy mượn tiền.

Ông Nguyễn Ngọc Hoàng A và bà Nguyễn Thị Cẩm N vay của bà M số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng, nói vay đỡ mấy ngày rồi trả, không lãi suất. Bà N là người trực tiếp nhận tiền, khi nhận tiền không có mặt ông Hoàng A. Đến ngày 02/11/2018, bà N có viết cho bà M giấy mượn tiền, khi viết giấy không có mặt ông Hoàng A, nhưng có ông Trương Vĩnh L làm chứng.

Ngày 09/11/2018, bà N tiếp tục viết và ký giấy mượn tiền số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), khi nhận tiền và viết giấy đều không có mặt ông Hoàng A nhưng ông Hoàng A biết việc bà N vay tiền của bà M.

Sau đó bà M đã nhiều lần đến nhà yêu cầu bà N trả nợ nhưng bà N chỉ hứa hẹn chứ không trả.

Nay bà M yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Ngọc Hoàng A liên đới trả cho bà M số tiền 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng), yêu cầu trả một lần và không yêu cầu lãi suất.

Ngày 15/6/2022, bà Nguyễn Thị Kim M rút một phần yêu cầu khởi kiện. Bà M yêu cầu ông Nguyễn Ngọc Hoàng A và bà Nguyễn Thị Cẩm N phải liên đới trả cho bà M số tiền 1.200.000.000 đồng.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:

Đầu năm 2018, bà N có vay của bà M nhiều lần với tổng số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để cho người khác vay lại, lãi suất thỏa thuận miệng là cứ 1.000.000 đồng thì bà N phải trả cho bà M 40.000 đồng, sau đó khoảng 4 đến 5 tháng sau bà M nói bà N viết cho bà M 02 tờ giấy mượn tiền để bà M đi hện nợ với bà Nguyễn Xuân L tại ĐC và bà Ngọc. Do bà N và bà M chơi thân với nhau, bà N tin tưởng bà M nên khi bà M yêu cầu bà N viết giấy mượn tiền thì bà N vẫn viết cho bà M. Hai giấy mượn tiền là mẫu soạn sẵn do bà M đưa cho bà N, bà N là người viết và ký tên vào hai giấy mượn tiền này.

Bà N đã trả cho bà M số tiền 400.000.000 đồng cần qua cho bà Nguyễn Xuân L, bà L nhận số tiền này vào ngày 16/3/2019, giấy tờ gốc của việc trả số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) này do ông Hoàng A giữ. Trước đó bà N có trả cho bà M 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) nhưng không ghi giấy trả nợ. Sau khi viết giấy mượn tiền thì hàng tháng bà N vẫn trả cho bà M từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng, việc trả tiền không viết giấy. Sau đó bà N không có khả năng trả nữa nên hện bà M khi nào có sẽ trả. Việc bà N vay tiền của bà M chồng bà N là ông Hoàng A không biết (thời điểm năm 2018 bà N và ông Hoàng A chưa ly hôn).

Hiện nay bà N xác nhận còn nợ của bà M 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng), nhưng bà N không có khả năng trả hết 01 lần, bà N xin được

trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

- *Tại bản tự khai ngày 30/12/2021, bị đơn ông Nguyễn Ngọc Hoàng A trình bày:*

Năm 2017, ông Hoàng A có biết việc bà M và vợ ông bà N chơi với nhau nhưng việc làm ăn giữa bà N và bà M thì ông Hoàng A hoàn toàn không biết gì. Năm 2018, bà M đã gửi đơn khởi kiện ông Hoàng A về việc mượn tiền đến Công an huyện LC với số tiền 1.600.000.000 đồng (trong đó có 02 giấy mượn tiền, mỗi giấy mượn 800.000.000 đồng). Trong thời gian ông Hoàng A và bà N còn là vợ chồng thì ông Hoàng A hoàn toàn không biết bà N mượn bà M số tiền 1.600.000.000 đồng với mục đích đảo hạn ngân hàng. Nay bà M yêu cầu ông Hoàng A phải liên đới cùng với bà N trả cho bà M số tiền 1.600.000.000 đồng thì ông Hoàng A không đồng ý vì ông không hề mượn tiền của bà M.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện LC đã quyết định:

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Ngọc Hoàng A phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim M số tiền 1.200.000.000 đồng. Mỗi người phải trả 600.000.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/9/2022 bị đơn ông Nguyễn Ngọc Hoàng A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Hoàng A, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông Nguyễn Ngọc Hoàng A phải liên đới thanh toán tiền cho bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn nhưng họ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng hoặc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

Ông Nguyễn Ngọc Hoàng A kháng cáo quá hạn, nhưng đã được Tòa án xem xét chấp nhận kháng cáo quá hạn nên kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Hoàng A được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Hoàng A về trách nhiệm trả nợ: Tại đơn khởi kiện ngày 07/10/2021, bà Nguyễn Thị Kim M yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm N trả tiền cho bà do vi phạm nghĩa vụ trả nợ; Quá trình giải quyết vụ án, bà yêu cầu ông Nguyễn Ngọc Hoàng A phải liên đới cùng với bà N trả số tiền 1.200.000.000 đồng. Bà trình bày 02 giấy vay nợ ngày 02/11/2018, 09/11/2018 do bà N viết và nhận tiền, ông A không có mặt, không ký vào giấy nhận tiền. Bà cho rằng ông A biết việc bà N vay mượn, cũng như việc ông là người giao tờ giấy nhận tiền của bà Nguyễn Thị Xuân L với số tiền 400.000.000 đồng; Tuy nhiên hồ sơ vụ án không có chứng cứ nào để khẳng định lời khai trên là đúng.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “vào thời điểm năm 2018, ông Hoàng A và bà N vẫn là vợ chồng; Bà N không có công việc ổn định mà chỉ ở nhà nội trợ; Ông Nguyễn Ngọc Hoàng A cho rằng đây là khoản tiền vay riêng của bà N không liên quan gì đến ông tuy nhiên ông không có tài liệu chứng minh...” để từ đó xác định ông Hoàng A biết việc bà N vay mượn tiền của bà M, áp dụng điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc ông A phải liên đới chịu trách nhiệm chung với bà N về khoản nợ 1.200.000.000 đồng là không có căn cứ. Bởi vì, không có tài liệu nào thể hiện bà N không có công việc ổn định, ở nhà nội trợ, cũng như việc ông A biết việc bà N mượn tiền của bà N.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Ngọc Hoàng A phải liên đới trả nợ là không có cơ sở, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; nên có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Hoàng A, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DSST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện LC buộc bà Nguyễn Thị Cẩm N phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim M số tiền 1.200.000.000 đồng.

Do chấp nhận kháng cáo, nên ông Nguyễn Ngọc Hoàng A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc Hoàng A, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện LC.

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm N phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim M số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm N phải nộp 48.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim M 30.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0008871 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LC.

Ông Nguyễn Ngọc Hoàng A không phải nộp án phí phúc thẩm dân sự. Trả lại cho ông Nguyễn Ngọc Hoàng A 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0009492 ngày 17/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LC.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND huyện LC;
- Chi cục THADS huyện LC;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đường